

HƯỚNG DẪN- ĐÁP ÁN BÀI DẠY (TUẦN 24)

Thứ, ngày tháng năm 2020

MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU – LỚP 5

BÀI: TRẬT TỰ - AN NINH

Chuẩn kiến thức – kĩ năng cần đạt :

- Làm được bài tập 1, tìm được một số danh từ và động từ có thể kết hợp với từ an ninh của bài tập 2.
- Hiểu được nghĩa của những từ ngữ đã cho và xếp được vào nhóm thích hợp của bài tập 3; làm được bài tập 4.

Câu 1

Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ an ninh ?

- a) Yên ổn hẳn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại.
- b) Yên ổn về chính trị và trật tự xã hội.
- c) Không có chiến tranh và thiên tai.

Hướng dẫn:

Con đọc kĩ các đáp án để tìm một câu trả lời hợp lí.

Đáp án:

- Đáp án b là đúng (an ninh là yên ổn về chính trị và trật tự xã hội).

Câu 2

Tìm những danh từ và động từ có thể kết hợp với từ an ninh.

M : lực lượng an ninh, giữ vững an ninh

Hướng dẫn:

Con thử ghép xem có những trường hợp ra được những kết hợp có ý nghĩa.

Đáp án:

- Danh từ kết hợp với an ninh: Cơ quan an ninh, lực lượng an ninh, sĩ quan an ninh, chiến sĩ an ninh, an ninh xã hội, an ninh chính trị, giải pháp an ninh,...
- Động từ kết hợp với an ninh: bảo vệ an ninh, giữ gìn an ninh, giữ vững an ninh, củng cố an ninh, quấy rối an ninh, làm mất an ninh, thiết lập an ninh,...

Câu 3

Hãy xếp các từ ngữ sau đây vào nhóm thích hợp : công an, đồn biên phòng, toà án xét xử, bảo mật, cảnh giác, cơ quan an ninh, giữ bí mật, thẩm phán.

- a) Chỉ người, cơ quan, tổ chức thực hiện công việc bảo vệ trật tự, an ninh.
- b) Chỉ hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự, an ninh.

Hướng dẫn:

Con đọc kĩ và sắp xếp vào từng nhóm thích hợp.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ người, cơ quan thực hiện công việc bảo vệ trật tự an ninh: Công an, đồn biên phòng, toà án, cơ quan an ninh, thẩm phán.
- Từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ trật tự an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự an ninh: xét xử, bảo mật, cảnh giác, giữ bí mật.

Câu 4

Đọc bản hướng dẫn sau và tìm các từ ngữ chỉ những việc làm, những cơ quan, tổ chức và những người có thể giúp em tự bảo vệ khi cha mẹ em không có ở bên.

a) Để bảo vệ an toàn cho mình, em cần nhớ số điện thoại của cha mẹ và địa chỉ, số điện thoại của ông bà, chú bác, người thân để báo tin.

b) Nếu bị kẻ khác đe dọa, hành hung hoặc thấy cháy nhà hay bị tai nạn, em cần phải :

- Khẩn cấp gọi số điện thoại 113 hoặc 114, 115 để báo tin.
- Kêu lớn để những người xung quanh biết.
- Nhanh chóng chạy đến nhà hàng xóm, bạn bè, nhà hàng, cửa hiệu, trường học, đồn công an.

c) Khi đi chơi, đi học, em cần :

- Đi theo nhóm, tránh chỗ tối, tránh nơi vắng vẻ, để ý nhìn xung quanh.
- Không mang đồ trang sức hoặc vật đắt tiền.

d) Khi ở nhà một mình, em phải khoá cửa, không cho người lạ biết em chỉ có một mình và không để người lạ vào nhà.

- 113 : Số điện thoại của lực lượng công an thường trực chiến đấu.
- 114 : số điện thoại của lực lượng công an phòng cháy chữa cháy.
- 115 : số điện thoại của đội thường trực cấp cứu y tế.

Hướng dẫn:

Con đọc thật kĩ rồi tìm những từ ngữ quan trọng cần tìm có trong bản hướng dẫn.

Đáp án:

- Từ ngữ chỉ việc có thể tự bảo vệ khi cha mẹ em không có bên cạnh:

- + Nhớ số điện thoại (ĐT) của cha mẹ
- + Nhớ địa chỉ, số ĐT của người thân
- + Gọi ĐT 113 hoặc 114, 115.
- + Kêu lớn để người xung quanh biết
- + Chạy đến nhà người quen hoặc những nơi công cộng có nhiều người qua lại
- + Đi theo nhóm, tránh nơi vắng, để ý xung quanh
- + không mang đồ trang sức, đồ đắt tiền
- + khoá cửa
- + không cho người lạ biết em ở nhà một mình / không mở cửa cho người lạ.

- Từ ngữ chỉ cơ quan tổ chức:

Nhà hàng, cửa hiệu, trường học, đồn công an, 113 (CA thường trực chiến đấu) 114 (CA phòng cháy chữa cháy) 115 (đội thường trực cấp cứu y tế).

- Từ ngữ chỉ người giúp em bảo vệ an toàn cho mình:

Cha mẹ, ông bà, chú bác, người thân, hàng xóm, bạn bè.